CTCP Đá Núi Nhỏ (HSX: NNC)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	19,050 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.9%	**6.4%**	**-1.3%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,800 - 21,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	418
Số lượng CPLH (CP)	21,920,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,380
Sở hữu nước ngoài	4.9%
Beta	0.31
EPS	2,221
P/E	8.6

Tỷ suất lợi nhuận

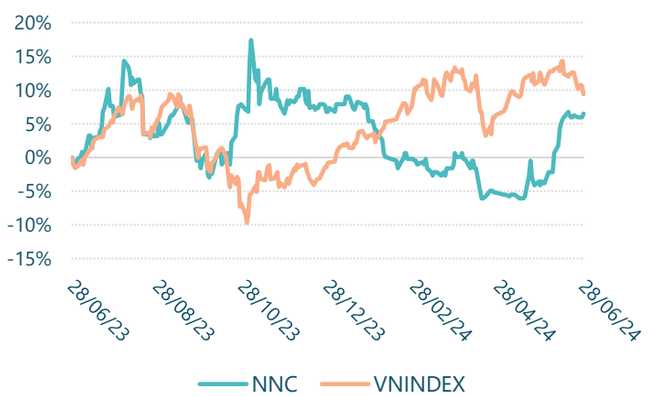

Doanh thu thuần

Q2/24

65.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.6 | 26.2%

YoY: ▲ 19.1 | 41.1%

Nợ/VCSH

Q2/24

15.3%

YoY: +/-▼ 1.2%

LN gộp

Q2/24

28.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.1 | 198%

YoY: ▲ 16.6 | 137%

ROE (TTM)

Q2/24

12.8%

YoY: +/-▲ 2.6%

LN trước thuế

Q2/24

25.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.4 | 255%

YoY: ▲ 14.9 | 139%

ROA (TTM)

Q2/24

11.1%

YoY: +/-▲ 2.3%

Kết quả kinh doanh Q2/24

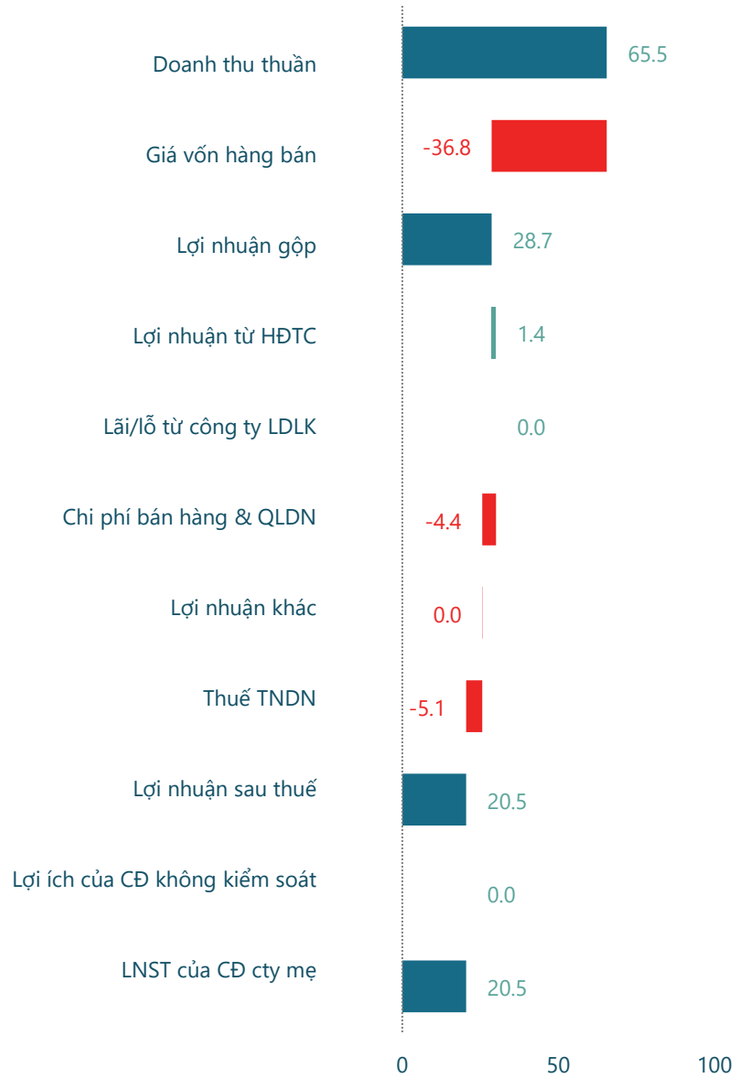

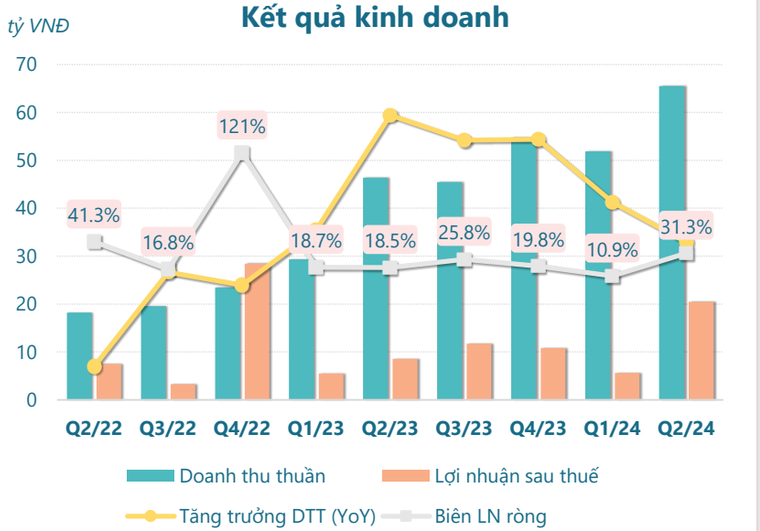

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 25.65 tỷ đồng**, tăng thêm 233% so với kỳ trước và cao hơn 133% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 1.38 tỷ đồng**, giảm đi 4.17% so với kỳ trước và thấp hơn 33.3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.04 tỷ đồng** tăng thêm 0.46 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.26 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

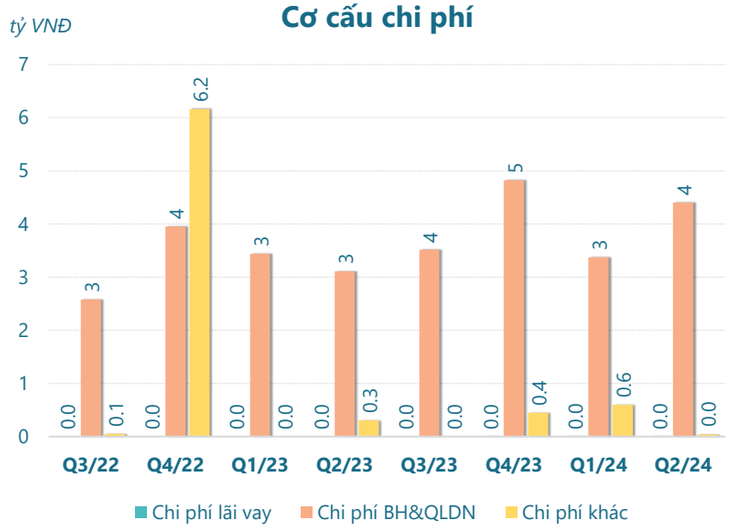

Kết quả kinh doanh của **NNC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **65.49 tỷ đồng** tăng thêm **41.1%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 20.49 tỷ đồng**, **tăng trưởng 139%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **117.0 tỷ đồng** cao hơn 53.9% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 26.00 tỷ đồng** cao hơn 85.7% so với cùng kỳ năm trước.

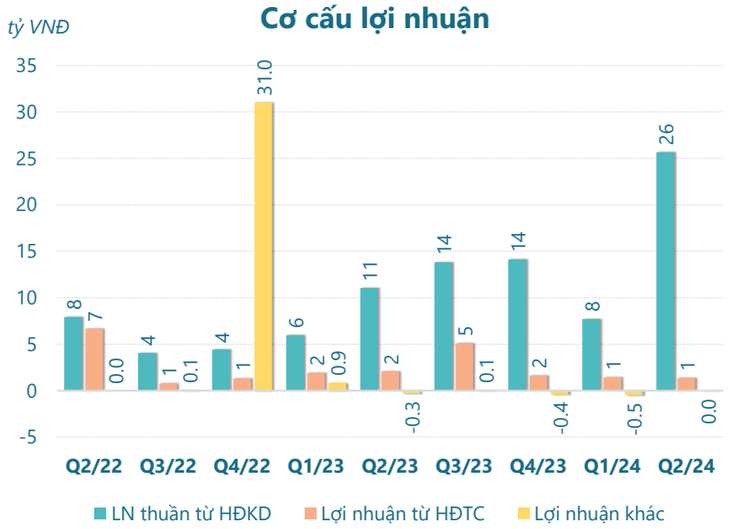

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **4.40 tỷ đồng** tăng thêm 30.6% so với kỳ trước và cao hơn 41.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.04 tỷ đồng** giảm đi 93.3% so với kỳ trước và thấp hơn 86.7% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Đá Núi Nhỏ (HSX: NNC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**65.5**	**51.9**	**26.2%**	**46.4**	**41.1%**	**117**	**75.7**	**55.0%**
Giá vốn hàng bán	36.8	42.3	-13.0%	34.3	7.3%	79.1	56.1	40.9%
Lợi nhuận gộp	28.7	9.64	198%	12.1	137%	38.3	19.6	95.7%
Doanh thu HĐTC	1.40	1.44	-3.1%	2.07	-32.6%	2.84	3.98	-28.7%
Chi phí TC	0.02	0.00		0.00		0.02	0.00	2183%
Chi phí lãi vay	0.00	0.00		0.00		0.01	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.59	1.25	27.4%	1.00	59.2%	2.85	2.09	35.8%
Chi phí QLDN	**2.81**	**2.12**	**32.5%**	**2.11**	**33.2%**	**4.93**	**4.45**	**10.7%**
LN thuần từ HĐKD	25.7	7.71	233%	11.0	133%	33.4	17.0	96.1%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**-0.50**	**91.5%**	**-0.30**	**85.8%**	**-0.54**	**0.56**	**-197%**
LN trước thuế	25.6	7.21	255%	10.7	139%	32.8	17.6	86.8%
Lợi nhuận sau thuế	**20.5**	**5.65**	**263%**	**8.58**	**139%**	**26.1**	**14.1**	**85.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**20.5**	**5.65**	**263%**	**8.58**	**139%**	**26.1**	**14.1**	**85.9%**

